



Phụ lục XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng
 Appendix: XXIV: report on change of net asset value
 (Ban hành kèm theo thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính)
 (Promulgated with the Circular 98/2020/TT-BTC on November 16th, 2020 of Ministry of Finance)

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
 Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
 To: State Securities Commission of Vietnam
 Ho Chi Minh city Stock Exchange

1 Tên Công ty quản lý quỹ: **Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI**
 Management Fund Company name: **SSI Asset Management Company Limited**

2 Tên Ngân hàng giám sát: **Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành**
 Supervising bank: **Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Hathanh Branch**

3 Tên Quỹ: **Quỹ ETF SSIAM VNX50**
 Fund name: **SSIAM VNX50 ETF**

4 Mã chứng khoán: **FUESSV50**
 Securities symbol

5 Kỳ báo cáo: **Tuần từ 2/2/2024 đến 8/2/2024**
 (Reporting period) **(period: from Feb 2nd 2024 to Feb 8th 2024)**

6 Ngày lập báo cáo: **15/02/2024**
 (Reporting date) **15 February 2024**

Đơn vị tính: VND

STT NO	CHI TIÊU CRITERIA	KY BAO CAO THIS PERIOD 08/02/2024	KY BAO CAO THIS PERIOD 01/02/2024
I	Giá trị tài sản ròng Net Asset Value		
1	Giá trị tài sản ròng (NAV) đầu kỳ Net Asset Value (NAV) at the beginning of period		
1.1	của quỹ/ per Fund	138,515,861,444	161,505,359,121
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	1,753,365,334	1,755,493,033
1.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	17,533.65	17,554.93
2	Giá trị tài sản ròng (NAV) cuối kỳ Net Asset Value (NAV) at the end of period		
2.1	của quỹ/ per Fund	142,631,579,393	138,515,861,444
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	1,805,463,030	1,753,365,334
2.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	18,054.63	17,533.65
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng Quỹ trong kỳ, trong đó: Change of NAV during period, in Which:	4,115,717,949	-22,989,497,677
3.1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ Changes of NAV due to the fund's investment during the period	4,115,717,949	-50,303,594
3.2	Thay đổi GITSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	0	-22,939,194,083
3.3	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV due to profit distribution to investors during the period	-	-
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ Change of NAV per Fund Certificate during period	520.98	-21.28
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	168,177,351,089	168,177,351,089
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	125,540,507,995	125,540,507,995
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài		
6.1	Số lượng Chứng chỉ quỹ	-	-
6.2	Tổng giá trị	-	-
6.3	Tỷ lệ sở hữu	-	-
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)		
1	Giá trị đầu kỳ Beginning period Value	16,920	17,060
2	Giá trị cuối kỳ Ending period Value	17,490	16,920
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value in the period in comparison to the last period	570	-140
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate		
	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)	-564.63	-613.65
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-) / tăng dư (+)) / Relative difference (discount(-) premium(+))	-3.13%	-3.50%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest Market Value within latest 52 weeks		
	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	19,980	19,980
	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	15,000	15,000

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
 Authorized Representative of Supervisory Bank

NGÂN HÀNG
 THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
 VIỆT NAM
 CHI NHÁNH HÀ THÀNH
 PHÒNG GIAO DỊCH
 VÀ DỊCH VỤ
 CHỨNG KHOÁN

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
 Dương Thanh Dũng
 Phó Giám đốc phòng GD&D V Chứng Khoán

Đại diện được ủy quyền cung cấp thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
 Authorized Representative of Fund Management Company

CÔNG TY
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 QUẢN LÝ QUỸ
 SSI

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI

Tô Thùy Linh
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC